

Số: /TTr-UBND

Nghĩa Sơn, ngày tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi Ngân sách xã Nghĩa Sơn năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Nghĩa Sơn khoá XIII, Kỳ họp thứ 10.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 9343/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách huyện năm 2024;

Trên cơ sở số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã Nghĩa Sơn tại Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 20 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn; Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn trình Hội đồng nhân dân xã Nghĩa Sơn khóa XIII, tại kỳ họp thứ 12 xem xét, phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách xã Nghĩa Sơn năm 2024 với các nội dung chính sau:

A. PHẦN THU

Nội dung	Chỉ tiêu huyện giao	Nghị quyết HĐND giao	Quyết toán	So sánh (%)	
				Chỉ tiêu	Nghị Quyết
	1	2	3	5 = 3/1	6 = 3/2
Tổng số thu	4.944.772.000	4.944.772.000	6.445.516.388	130,35	130,35
I. Các khoản thu 100%			31.446.457		
1. Phí, lệ phí			1.600.000		
2. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi cộng sản khác			16.766.788		
3. Thu từ hoạt động kinh tế, sự nghiệp					
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			5.000.000		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định					
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định					
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân					
8. Thu khác			8.079.669		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm			11.409.653		

(%)					
1. Các khoản thu phân chia			11.409.653		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định					
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)					
IV. Thu chuyển nguồn			327.968.531		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước					
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.944.772.000	4.944.772.000	6.074.691.747	122,85	122,85
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.657.559.000	4.657.559.000	4.657.559.000	100,00	100,00
2. Bổ sung có mục tiêu	287.213.000	287.213.000	1.417.132.747	493,41	493,41

B. PHẦN CHI

Nội dung	Chỉ tiêu huyện giao	Nghị quyết HĐND giao	Quyết toán	So sánh (%)	
				Chỉ tiêu	Nghị Quyết
	1	2	3	5 = 3/1	6 = 3/2
Tổng số chi	4.944.772.000	4.944.772.000	6.445.516.388	130,35	130,35
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	103.510.000	332.110.000	350.404.800	388,52	105,51
1.1. Chi dân quân tự vệ	5.775.000	164.375.000	164.062.000	2.840,90	99,81
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	97.735.000	167.735.000	186.342.800	190,66	111,09
2. Chi giáo dục					
3. Chi y tế					
4. Chi văn hóa, thông tin	22.869.000	87.869.000	92.814.800	405,85	105,63
5. Chi phát thanh, truyền thanh	5.775.000	5.775.000	5.775.000	100,00	100,00
6. Chi thể dục, thể thao	6.353.000	26.353.000	25.810.000	406,26	97,94
7. Chi bảo vệ môi trường	5.775.000	5.775.000	5.769.000	99,90	99,90
8. Chi các hoạt động kinh tế	121.037.000	114.807.000	288.321.310	238,21	251,14
8.1. Giao thông		30.000.000	60.228.940		200,76
8.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản		84.807.000	228.092.370		268,95
8.3. Các hoạt động kinh tế khác					
9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.661.780.000	4.336.308.000	5.033.047.767	116,07	116,07
10.1. Quản lý Nhà nước		3.887.316.000	4.585.498.990		117,96
9.1.1. Quỹ lương		2.762.625.000	3.164.106.784		114,53
9.1.2. Hội đồng nhân dân		289.320.000	295.881.223		102,27
9.1.3. Ủy ban nhân dân		835.371.000	1.125.510.983		134,73

9.2. Đảng Cộng sản Việt Nam		198.492.000	213.535.373		107,58
9.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		86.100.000	77.864.492		90,43
9.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM		56.100.000	54.095.431		96,43
9.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ		36.600.000	33.966.229		94,09
9.6. Hội Cựu chiến binh		41.100.000	39.012.752		94,92
9.7. Hội Nông dân		31.100.000	29.074.500		93,49
9.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)					
10. Chi cho công tác xã hội	8.175.000	35.775.000	452.533.447	5.535,58	1.264,94
10.1. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng		30.000.000	39.712.800		132,38
10.2. Khác	8.175.000	5.775.000	412.820.647	5.049,79	7.148,41
11. Nộp trả ngân sách cấp trên			9.398.880		
12. Chi khác	23.240.000				
13. Tiết kiệm chi để lại	130.525.000				
14. Dự phòng	116.783.000				
15. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			181.641.384		

Kính trình Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ 12, xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND;
- Như trên;
- 14 vị Đại biểu HĐND;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Phùng